

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 257/2024/DS-ST

Ngày: 15-9-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thọ và ông Nguyễn Văn Sỹ

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức B – Chức vụ: Trưởng Phòng Giao Dịch Phú Tài (Theo Giấy ủy quyền số: 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín).

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Tuyết T – Chuyên viên “Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

Địa chỉ: Số 1592 đường Hùng Vương, phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Theo Giấy ủy quyền số: 01A/2024/UQ-PGDPT ngày 05/01/2024)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1981 “Vắng mặt”

Địa chỉ: 04 Tô Hiến Thành, tổ 44, khu vực 8, phường Nguyễn Văn Cừ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín do bà Trần Thị Tuyết Thanh là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/03/2021, ông Nguyễn Minh Đ có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Định – Phòng giao dịch Phú Tài (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của khách hàng, ngày 02/03/2021 Ngân hàng đã đồng ý phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho ông Đ với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận là 26,6%/năm. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, tính đến ngày 03/05/2024, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với số tiền là: 69.100.000 đồng, phí trễ hạn: 320.000 đồng, tiền lãi: 4.733.997 đồng, phí: 960.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 74.730.068 đồng. Tính đến ngày 15/9/2024 ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng là 440.359 đồng, bao gồm: nợ gốc là 377.656 đồng, lãi quá hạn là 62.703 đồng. Ngày 25/05/2023 ông Đại đã thực hiện giao dịch vay tiêu dùng trên Sacombank Pay với số tiền 24.000.000 đồng với lãi suất là 16,8%/năm trên hạn mức trống của thẻ tín dụng mà ông Đại đã ký với Ngân hàng. Theo đó ông Đại phải có nghĩa vụ trả số tiền trên và lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng trong thời hạn 12 tháng, mỗi tháng phải trả 2.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Tuy nhiên sau ngày 25/5/2024 ông Đại đã trả cho Ngân hàng 04 đợt vào các tháng 06, 8, 9, 12 của năm 2023 với tổng số tiền 14.314.000 đồng. Sau đó kể từ tháng 01/2024 ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Minh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng của ông Đ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do ông Nguyễn Minh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đây là khoản cá nhân của ông Đ nên nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2024 là 17.614.543 đồng, cụ thể như sau: Khoản nợ vay tiêu dùng trả góp trên Pay số tiền 17.174.184 đồng, bao gồm: Vốn gốc: 14.022.000 đồng; Lãi quá hạn: 3.152.184 đồng. Khoản nợ thẻ tín dụng: 440.359 đồng, bao gồm: nợ gốc là 377.656 đồng, lãi quá hạn là 62.703 đồng. Nếu ông Nguyễn Minh Đ chưa thanh toán hết nợ còn phải có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 16/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ : Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Minh Đ đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên xét xử nhưng ông Đại vẫn không đến Tòa để làm việc, do đó Tòa không lấy được lời khai của ông Nguyễn Minh Đại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Minh Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 17.614.543 đồng, bao gồm: Khoản nợ vay tiêu dùng trả góp trên Pay số tiền 17.174.184 đồng, bao gồm: Vốn gốc: 14.022.000 đồng; Lãi quá hạn: 3.152.184 đồng. Khoản nợ thẻ tín dụng: 440.359 đồng, bao gồm: nợ gốc là 377.656 đồng, lãi quá hạn là 62.703 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Tuyết Thanh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 15-9-2024. Ông Nguyễn Minh Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ cho Ngân hàng TMCP S tạm tính đến ngày 15/9/2024 với tổng số tiền là 17.614.543 đồng, bao gồm: Khoản nợ vay tiêu dùng trả góp trên Pay số tiền 17.174.184 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 14.022.000 đồng; Lãi quá hạn: 3.152.184 đồng. Khoản nợ thẻ tín dụng: 440.359 đồng, bao gồm: nợ gốc là 377.656 đồng, lãi quá hạn là 62.703 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng, các bảng tóm tắt sao kê đề ngày 19/5/2024 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Ngày 02/3/2021 Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Minh Đ, số thẻ 970403-3130, với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất là 26,6%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân; Ngày 25/05/2023 ông Đ đã thực hiện vay tiêu dùng trả góp trên dịch vụ trực tuyến S Pay của Ngân hàng TPCP Sài Gòn Thương Tín với số tiền vay là 24.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1,40%/tháng (16,4%/năm). Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và ông Đ là

tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực.

Đối với giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 02/3/2021, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng có hạn mức là 30.000.000 đồng cho ông Nguyễn Minh Đ. Sau khi kích hoạt thẻ tín dụng được cấp, tính đến ngày 15/09/2024, ông Đại đã thực hiện các giao dịch với số tiền là: 69.100.000 đồng, phí trễ hạn: 320.000 đồng, tiền lãi: 4.733.997 đồng, phí: 960.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 74.730.068 đồng.

Đối với khoản vay tiêu dùng trả góp trên dịch vụ trực tuyến S Pay 24.000.000 đồng. Sau ngày 25/5/2024 ông Đại đã trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 14.314.000 đồng. Sau đó kể từ tháng 01/2024 ông Đại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP S nữa. Từ đó đến nay, mặc dù Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần triệu tập và đến nơi cư trú để làm việc nhưng ông Đ không chấp hành, không đến Tòa khai báo và làm việc. Do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng (bao gồm giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank) nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 63, 466 của Bộ luật dân sự, các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2024 với tổng số tiền là 17.614.543 đồng, bao gồm: Khoản nợ vay tiêu dùng trả góp trên Pay số tiền 17.174.184 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 14.022.000 đồng; Lãi quá hạn: 3.152.184 đồng. Khoản nợ thẻ tín dụng: 440.359 đồng, bao gồm: nợ gốc là 377.656 đồng, lãi quá hạn là 62.703 đồng. Ngoài ra, ông Đ còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo quy định tính từ ngày 16/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đại phải chịu 880.727 đồng.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S

1. Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 15/9/2024 là 17.614.543 đồng, bao gồm: Khoản nợ vay tiêu dùng trả góp trên Pay số tiền 17.174.184 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 14.022.000 đồng; Lãi quá hạn: 3.152.184 đồng. Khoản nợ thẻ tín dụng: 440.359 đồng, bao gồm: nợ gốc là 377.656 đồng, lãi quá hạn là 62.703 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 16/9/2024 ông Đ còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 880.727 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 368.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001119 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- VKSND thành phố Quy Nhơn
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Diễm

